

Bản án số: 106/2022/DS-PT
Ngày: 27/6/2022
V/v tranh chấp “Quyền sử dụng đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lưu Hữu Giàu.

Các Thẩm phán: Bà Ngô Ngọc Phi;
Ông Nguyễn Hoàng Thám.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Mộng Cầm – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Trường San - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 54/2022/TLPT-DS ngày 04 tháng 4 năm 2022 về việc tranh chấp “Quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 98/2021/DS-ST ngày 17 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện CM, tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 79/2022/QĐXXPT-DS ngày 13 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 152/2022/QĐ-PT ngày 02 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị M, sinh năm 1962; nơi cư trú: Số 466, tổ 28, ấp LP 2, xã LĐ B, huyện CM, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bà M: Bà Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 2000; nơi thường trú: Ấp CS, xã TL, huyện TT, tỉnh LA (Theo giấy ủy quyền ngày 21 tháng 6 năm 2022).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà M: Ông Phan Hòa N, sinh năm 1987 – Là Luật sư của Công ty Luật TNHH The Law, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Ông Huỳnh Văn T, sinh năm 1955; nơi cư trú: Số 470, tổ 28, ấp LP 2, xã LĐ B, huyện CM, tỉnh An Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ủy ban nhân dân huyện CM, tỉnh An Giang;

Địa chỉ: Ấp Thị, thị trấn CM, huyện CM, tỉnh An Giang.

3.2. Bà Trương Thị E1, sinh năm 1954;

3.3. Ông Huỳnh Chí T2, sinh năm 1983;

3.4. Bà Huỳnh Thị T3, sinh năm 1973;

3.5. Bà Huỳnh Thị Thanh T4, sinh năm 1976;

3.6. Bà Huỳnh Thị X (C), sinh năm 1978;

3.7. Bà Huỳnh Thị Cẩm T5, sinh năm 1985;

3.8. Bà Lê Thị Tuyết L, sinh năm 1985;

3.9. Cháu Huỳnh Lê Ái V, sinh năm 2008;

3.10. Cháu Huỳnh Lê Chí K, sinh năm 2013;

Người đại diện theo pháp luật của cháu Huỳnh Lê Ái V: Ông Huỳnh Chí T2, sinh năm 1983 và Bà Lê Thị Tuyết T, sinh năm 1985 (cha mẹ ruột);

3.11. Ông Bùi Văn L (T6), sinh năm 1976;

3.12. Cháu Bùi Huỳnh N, sinh năm 2003;

Người đại diện theo pháp luật của cháu Bùi Huỳnh N: Bà Huỳnh Thị T3, sinh năm 1973 và Ông Bùi Văn T6, sinh năm 1976;

Cùng cư trú: Số 470, tổ 28, ấp LP 2, xã LĐ B, huyện CM, tỉnh An Giang.

4. Người kháng cáo: Bà Huỳnh Thị M, là nguyên đơn trong vụ án.

Tại phiên tòa có mặt: Bà Nguyễn Thị Ngọc H, ông Phan Hòa N, ông Huỳnh Văn T, bà Huỳnh Thị Cẩm T; vắng mặt các đương sự còn lại.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung án sơ thẩm:

Trong đơn khởi kiện, tờ tự khai, các biên bản hòa giải nguyên đơn bà Huỳnh Thị M trình bày, nguồn gốc đất tranh chấp diện tích 753m², thuộc thửa số 24, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại ấp LP 2, xã LĐ B, huyện CM, tỉnh An Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 03425/QSDĐ/cB do Ủy ban nhân dân huyện CM cấp ngày 22/9/2004 cho bà là của ông bà nội là cụ Huỳnh Văn N và cụ Phan Thị B cho cha của bà là ông Huỳnh Phát TH, việc tặng cho không có lập văn bản. Sau đó ông Huỳnh Phát TH được Ủy ban nhân dân huyện CM cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đến năm 2004 thì cha của bà làm thủ tục tặng cho bà phần đất này có làm giấy tờ, thủ tục theo quy định. Sau đó, bà đã được Ủy ban nhân dân huyện CM cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 03425/QSDĐ/cB ngày 22/9/2004, bà không có thể chấp tại các tổ chức tín dụng. Thời điểm Ủy ban nhân dân huyện CM cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Huỳnh Phát TH và cho bà đối với diện tích 753m², thuộc thửa số 24, tờ

bản đồ số 06, tọa lạc tại ấp LP 2, xã LĐ B, huyện CM, tỉnh An Giang thì đã có nhà của ông Huỳnh Văn T trên đất.

Do tình nghĩa bà con dòng họ, nên cha của bà là ông Huỳnh Phát TH mới cho ông Huỳnh Văn T ở nhờ trên đất khi Nhà nước làm đường vào năm 1985, việc cho ở nhờ không có làm văn bản. Ông T sửa nhà nhiều lần nên mới có diện tích như hiện nay. Do đây là đất của ông bà để lại, đất còn trống nên việc ông T sửa nhà trước đây gia đình bà không có ý kiến. Đến năm 2014, ông T tiếp tục sửa lại nhà mới phát sinh tranh chấp, nguyên nhân do bà yêu cầu ông T di dời căn nhà của ông T lùi lại 06m để mở rộng đường đi chung của dòng họ, nhưng ông T không đồng ý và tiếp tục cất mái che nên diện tích nhà và mái che thêm, bà không có giấy tờ gì chứng minh. Từ khi xây dựng đến nay thì mái che không có thay đổi diện tích, chỉ thay đổi kết cấu do có hư hỏng phần cột.

Phần diện tích mà bà được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 753m² nhưng qua đo đạc thì diện tích còn lại là 736m², phần diện tích 17m² bị thiếu là do nạo vét mương ấp chiến lược nên bà không có ý kiến.

Nay bà yêu cầu ông Huỳnh Văn T cùng các thành viên gia đình có nghĩa vụ tháo dỡ toàn bộ mái che, một phần căn nhà chính để trả lại cho bà diện tích 27,1m² tại các mốc điểm 42, 43, 18, 19, 39, 40, 41, 20, 17 theo Sơ đồ hiện trạng khu đất tranh chấp do Văn phòng đăng ký đất đai – Chi nhánh CM lập ngày 23/02/2021.

Bị đơn ông Huỳnh Văn T trình bày, nguồn gốc phần diện tích đất 753m², thuộc thửa số 24, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại ấp LP 2, xã LĐ B, huyện CM, tỉnh An Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 03425QSDĐ/cB do Ủy ban nhân dân huyện CM cấp ngày 22/9/2004 cấp cho bà M là của ông bà nội ông là cụ Huỳnh Văn N và cụ Phan Thị B để lại. Khi ông Huỳnh Văn N và bà Phan Thị B còn sống thì không có định đoạt phần diện tích này cho người nào, đến khi chết cũng không có lập di chúc để tặng cho phần diện tích này cho ai. Do đó, phần diện tích này là di sản của ông Huỳnh Văn N và bà Phan Thị B chưa được chia thừa kế. Căn cứ ông xác định phần đất này chưa được phân chia vì cha ông là Huỳnh Văn TH1 chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và gia đình ông cũng sống trên phần đất này từ trước năm 1975 cho đến nay cũng chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nhà sàn và phần mái che của ông do làm đường nên ông mới di dời vào vị trí hiện nay, được xây dựng từ năm 1985, việc này có ông Ngô Văn H1 biết. Diện tích nhà từ khi xây dựng đến nay không có thay đổi diện tích, chỉ thay đổi kết cấu phần nhà sau khi ông sửa nhà sau và xây bó nền phần này. Từ khi ở đến nay, ông là người nộp thuế cho Nhà nước phần đất đang ở.

Thời điểm Ủy ban nhân dân huyện CM cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 03425QSDĐ/cB ngày 10/4/2000 cho ông Huỳnh Phát TH và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 03425QSDĐ/cB ngày 22/9/2004 cho bà Huỳnh Thị M đối với diện tích 753m², thuộc thửa số 24, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại ấp LP 2, xã LĐ B, huyện CM, tỉnh An Giang, gia đình ông không biết và không có ký tên cho ông TH, bà M được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đồng thời, khi

cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông TH, bà M thì đã có nhà của ông trên đất.

Nay ông không đồng ý theo yêu cầu của bà M tháo dỡ một phần nhà trước và mái che để trả lại đất. Ông yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 03425/QSDĐ/cB ngày 22/9/2004, do Ủy ban nhân dân huyện CM cấp cho bà Huỳnh Thị M.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Trương Thị E1, chị Huỳnh Thị Cẩm T, Huỳnh Thị T3, Lê Thị Tuyết T, Bùi Văn L (T6) trình bày, thống nhất với lời trình bày của ông Huỳnh Văn T.

Anh Huỳnh Chí T2, chị Huỳnh Thị Thanh T4, Huỳnh Thị X (C), đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án của bà M và được triệu tập hợp lệ để giải quyết, nhưng vắng mặt không lý do, nên không hòa giải và ghi nhận ý kiến được.

Ủy ban nhân dân huyện Chợ Mới có văn bản trình bày, ông Huỳnh Phát TH sinh năm 1930 được Ủy ban nhân dân huyện CM cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 03425/cB ngày 10/4/2000 diện tích 753m² đất ở nông thôn và đất trồng cây lâu năm tọa lạc tại ấp LP 2, xã LĐ B, huyện CM, tỉnh An Giang. Tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông TH, trên khu đất có 02 căn nhà là nhà ông TH và nhà ông Huỳnh Văn T do ông TH cho cất trước thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông TH vào khoảng năm 1990 - 1991.

Năm 2004, ông TH cùng vợ và các con lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất nêu trên cho con gái là Huỳnh Thị M, hợp đồng tặng cho (Tờ thuận phân) được Ủy ban nhân dân xã LĐ B chứng thực ngày 29/4/2004.

Đến ngày 22/9/2004 bà Huỳnh Thị M được Ủy ban nhân dân huyện CM cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 03425/cB, diện tích 753m² đất ở tại nông thôn và đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại ấp LP 2, xã LĐ B, huyện CM, tỉnh An Giang.

Do đó, việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 03425/cB, diện tích 753m² đất ở nông thôn và đất trồng cây lâu năm tọa lạc tại ấp LP 2, xã LĐ B, huyện CM, tỉnh An Giang cho cá nhân bà Huỳnh Thị M là đúng đối tượng và trình tự, thủ tục theo quy định.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 98/2021/DS-ST ngày 17 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện CM, tỉnh An Giang tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị M.

Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Huỳnh Văn T.

Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 03425/cB ngày 22/9/2004, do Ủy ban nhân dân huyện CM cấp cho Huỳnh Thị M diện tích 753m² đất ở nông thôn và đất trồng cây lâu năm tọa lạc tại ấp LP 2, xã LĐ B, huyện CM, tỉnh An Giang.

Sơ đồ khu đất tranh chấp ngày 23/02/2021 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện CM là một phần không tách rời của bản án.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự.

Theo đơn kháng cáo của bà Huỳnh Thị M: Kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số: 98/2021/DS-ST ngày 17 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện CM, tỉnh An Giang. Không đồng ý với bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn trình bày: Yêu cầu ông T tháo dỡ mái che để trả diện tích đất cho nguyên đơn (bà M). Đối với căn nhà chính của ông T đồng ý giữ nguyên cho ông T.

Bị đơn trình bày: Thống nhất với bản án sơ thẩm, không có ý kiến khác.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn phát biểu ý kiến cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm xét xử hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là không đúng vì: Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ chữ ký của ông T trong biên bản đo đạc xác định ranh giới sử dụng đất, nên đề nghị cho giám định chữ ký của ông T để làm rõ nội dung tranh chấp; Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét về thủ tục tố tụng vì vụ án được thụ lý từ năm 2015 nhưng đến năm 2020 mới thụ lý yêu cầu phản tố của ông T; Đối với kháng cáo của bà M, bà M yêu cầu ông T tháo dỡ mái che còn nhà chính giữ nguyên cho ông T.

Đại diện Viện kiểm sát trình bày:

Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm, Tòa án nhân dân tỉnh An Giang, căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, phúc xử: Không chấp nhận kháng cáo của bà Huỳnh Thị M; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 98/2021/DS-ST ngày 17/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện CM. Bà Huỳnh Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bà Huỳnh Thị M có đơn kháng cáo trong thời hạn luật định, có tạm nộp án phí phúc thẩm, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận và xét xử theo trình tự phúc thẩm. Các đương sự còn lại không có kháng cáo, Viện kiểm sát không có kháng nghị.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Huỳnh Thị M và chứng cứ liên quan, Hội

đồng xét xử xét thấy: Nguyên đơn (bà M) căn cứ vào Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 03425/QSDĐ/cB ngày 22/9/2004 do Ủy ban nhân dân huyện CM cấp đề yêu cầu Huỳnh Văn T tháo dỡ di dời căn nhà để trả lại diện tích đất 27,1m² tại các mốc điểm 42, 43, 18, 19, 39, 40, 41, 20, 17 theo Sơ đồ hiện trạng khu đất tranh chấp do Văn phòng đăng ký đất đai – Chi nhánh CM lập ngày 23/02/2021, nhưng ông T không đồng ý và cho rằng nhà ông cất trên phần đất là đất chung của ông bà để lại, còn việc UBND huyện CM cấp giấy chứng nhận QSDĐ cho ông Huỳnh Phát TH vào năm 2000 sau đó tặng cho lại con gái là bà Huỳnh Thị M thì ông hoàn toàn không biết.

Tại phiên tòa phúc thẩm phía bà M và ông T thống nhất gia đình (cha mẹ) ông T cất nhà ở trên đất tranh chấp trước năm 1975, do mở rộng lộ giới nên dời vào phía sau liền kề vào năm 1985, khi đó phía nguyên đơn không ai khiếu nại hay tranh chấp. Căn nhà phía ông T sửa chữa nhiều lần phía nguyên đơn cũng không có ý kiến hay tranh chấp. Năm 2014 ông T tiếp tục sửa lại nhà phía sau và bỏ nền phần này cũng trên diện tích đất cũ (không thay đổi diện tích từ khi xây dựng nhà đến nay) thì xảy ra tranh chấp.

Xét kháng cáo của bà M nhận thấy, cha bà M là ông Huỳnh Phát TH với cha ông T là Huỳnh Văn TH2 là anh em ruột, bà M cho rằng cha bà cho gia đình ông T ở nhờ trên đất nhưng phía ông T không đồng ý ở nhờ, nguyên đơn bà M không có chứng cứ để chứng minh.

Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 03425/cB ngày 10/4/2000 diện tích 753m² đất ở nông thôn và đất trồng cây lâu năm tọa lạc tại ấp LP 2, xã LĐ B, huyện CM, tỉnh An Giang do Ủy ban nhân dân huyện CM cấp cho ông Huỳnh Phát TH, đến năm 2004, ông TH cùng vợ và các con lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất nêu trên cho con gái là Huỳnh Thị M, hợp đồng tặng cho (Tờ thuận phân) được Ủy ban nhân dân xã LĐ B chứng thực ngày 29/4/2004. Ngày 22/9/2004 bà Huỳnh Thị M được Ủy ban nhân dân huyện CM cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 03425/cB, diện tích 753m² đất ở tại nông thôn và đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại ấp LP 2, xã LĐ B, huyện CM, tỉnh An Giang.

Theo biên bản phiên tòa sơ thẩm ngày 17/9/2021 bà M xác định nhà ông T dời vô trong vào năm 1985 (do mở rộng lộ giới) diện tích đất sử dụng đến nay không thay đổi diện tích, nhưng năm 2014 ông T xây dựng lại nhà kiên cố nên bà không đồng ý và bà M xác định khi UBND huyện CM cấp giấy chứng nhận QSDĐ cho cha bà thì trên đất đã có nhà của ông T, khi làm thủ tục cấp giấy không có hỏi ý kiến của người ở trên đất (ông T) và UBND huyện CM cũng xác định nhà ông Huỳnh Văn T cất trước thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông TH.

Qua tranh luận công khai tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử nhận thấy diện tích đất tranh chấp có nguồn gốc của cụ Huỳnh Văn N và cụ Phan Thị B (ông, bà nội của bà M và ông T) khi chết không để lại di chúc hay phân chia cụ thể cho ai nên ông T không thừa nhận ở nhờ trên đất của bà M. Về thủ tục

cấp giấy chứng nhận QSDĐ mà trên đất có nhà, vật kiến trúc... của người khác thì phải xác định rõ và phải có ý kiến của họ.

Tại phiên tòa Luật sư bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bà M cho rằng khi ông TH thực hiện thủ tục cấp giấy chứng nhận QSDĐ thì ông T có ký tên vào biên bản đo đạc xác định ranh giới sử dụng đất ở phần các hộ sử dụng đất kế cận có liên quan. Hội đồng xét xử nhận thấy biên bản đo đạc xác định ranh giới sử dụng đất không có ghi ngày, tháng, năm và ông T không có đất kế cận với đất ông TH được cấp giấy chứng nhận nên không có căn cứ để xem xét theo đề nghị của Luật sư. Về thủ tục thụ lý yêu cầu phản tố của bị đơn, Tòa án cấp sơ thẩm thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

Từ những căn cứ trên Tòa án cấp sơ thẩm xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà M và chấp nhận yêu cầu phản tố của ông T, tuyên hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 03425/cB ngày 22/9/2004, do Ủy ban nhân dân huyện CM cấp cho Huỳnh Thị M là có cơ sở.

Do đó cần giữ nguyên bản án sơ thẩm theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[3] Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận đơn kháng cáo của bà Huỳnh Thị M.

Phúc xử:

- Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 98/2021/DS-ST ngày 17 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện CM, tỉnh An Giang:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị M.

Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Huỳnh Văn T.

Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 03425/cB ngày 22/9/2004, do Ủy ban nhân dân huyện CM cấp cho Huỳnh Thị M diện tích 753m² đất ở nông thôn và đất trồng cây lâu năm tọa lạc tại ấp LP 2, xã LĐ B, huyện CM, tỉnh An Giang.

Sơ đồ khu đất tranh chấp ngày 23/02/2021 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện CM là một phần không tách rời của bản án.

Bà Huỳnh Thị M phải chịu chi phí định giá, lệ phí sao lục hồ sơ và đo đạc 2.281.288đ (Hai triệu, hai trăm tám mươi một ngàn, hai trăm tám mươi tám đồng), bà M đã nộp xong.

- Án phí dân sơ thẩm: Bà Huỳnh Thị M phải chịu án phí sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) theo biên lai số 0003510 ngày 03/11/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, bà còn phải nộp tiếp 100.000đ (Một trăm ngàn đồng).

- Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Huỳnh Thị M phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thi số 0009753 ngày 19 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CM (bà M đã nộp đủ).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao;
- VKSND AG;
- Phòng KTNV và THA;
- TAND huyện;
- THA huyện;
- Văn Phòng;
- Tòa Dân sự;
- Đường sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ .

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Lưu Hữu Giàu

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Ngọc Phỉ Nguyễn Hoàng Thám

Lưu Hữu Giàu

Nơi nhận:

- TAND cấp cao;
- VKSND AG;
- Phòng KTNV và THA;
- TAND huyện;
- THA huyện;
- Văn Phòng;
- Tòa Dân sự;
- Đường sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ .

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Hữu Giàu